TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phin

Ông Nguyễn Văn Điển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 18-7-2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: /2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09-10-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N; địa chỉ: Phường HV, quận HB, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lê Quốc Đ; địa chỉ: Phường HV, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04-7-2018, được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai ngày 18-7-2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Chị Trần Thị N và anh Lê Quốc Đ xây dựng gia đình với nhau từ năm 2008, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HV, quận HB, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu bình thường hòa thuận. Khoảng 02 năm trở lại đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu

thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra va chạm sung đột mà không gaiỉ quyết được. Hai bên đã sống ly thân khoảng 02 năm nay và đã không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị Nga yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đại theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Đại có 01 con chung, là Lê Việt A, sinh ngày 21-8-2008, hiện chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn trình bày ngày 07-8-2018, bị đơn có ý kiến như sau:

Anh Đ và chị N kết hôn từ năm 2008, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Đ xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân nhau khoảng 02 năm nay không ai quan tâm tới ai. Nguyên nhân chính do hai bên không còn tình cảm vợ chồng dẫn đến không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Nay chị N yêu cầu Toà án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh; quan điểm của anh là đồng ý, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N được ly hôn.

Về con chung: Anh Đ xác nhận anh và chị N có 01 con chung, là Lê Việt A, sinh ngày 21-8-2008, hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, anh Đ đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận và thực hiện với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đ đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Trần Thị N và anh Lê Quốc Đ được ly hôn; về con chung: Giao 01 con chung, là Lê Việt A sinh ngày 21-8-2008 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh Đ đề nghị Toà án để hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung: Hai bên đều đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Quốc Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đ không có yêu cầu phản tố và đã có lời khai trình bày các quan điểm, yêu cầu của mình đối với việc giải quyết vụ án. Bởi vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Lê Quốc Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về căn cứ cho ly hôn: Chị N và anh Đ đều xác nhận cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thẫn trầm trọng, tình cảm không còn và đã sống ly thân nhau khoảng 02 năm nay không ai quan tâm tới ai, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống thực tế của vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm nay là đúng với trình bày của các bên và phù hợp với các Biên bản điều tra xác minh tại địa phương. Hai bên đều đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải chung sống, quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Mặt khác, hai bên không còn pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh Đ có 01 con chung, là Lê Việt A sinh ngày 21-8-2008. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Đ đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy việc để chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp với nguyện vọng của cả hai bên và của con chung; phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận và thực hiện với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh Đ theo Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Chị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007756 ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Lê Quốc Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung, là Lê Việt A sinh ngày 21-8-2008 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh Đ nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0007756 ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND P. HV, Q. HB, HP;
(Giấy CNKH ngày 31-3-2008);
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Trung Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phin **Nguyễn Văn Điển** **Phạm Trung Dũng**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND P. Phan Bội Châu, Q. Hồng Bàng, HP;
(Giấy CNKH ngày 29/8/2018);
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Trung Dũng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Minh Anh **Mai Ngọc Túy** **Phạm Trung Dũng**